TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LỆ THỦY** **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2017/HNGĐ- ST
Ngày : 02- 01-2018
"V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỆ THỦY, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Dương
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Thuận Sơn
Bà Trần Thị Ngọc Anh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tuấn, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình.

Ngày 02 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 225/2017/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2017 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2017/QĐXXST- HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị L, sinh năm 1986.
Trú tại: Thôn P, xã H, huyện L, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Phạm Xuân N1, sinh năm 1976.
Trú tại: Thôn T, xã P, huyện L, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 31/10/2017, bản tự khai, biên bản hòa giải ngày 22/11/2017 cũng như tại phiên tòa thì chị Lê Thị L trình bày: Chị với anh Phạm Xuân N1 yêu nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện L, tỉnh Quảng Bình vào năm 2010. Sau kết hôn vợ chồng về chung sống tại nhà bố mẹ anh N1, chung sống được một thời gian thì vợ chồng thuê nhà trọ sinh sống tại xã N, huyện L, tỉnh Quảng Bình. Mâu thuẫn vợ chồng xãy ra vào năm 2013, nguyên nhân do anh N1 đánh đập chị thậm tệ nên chị làm đơn yêu cầu ly hôn anh N1 và được Tòa án nhân dân huyện L chấp nhận theo quyết định thuận tình ly hôn số 65/2013/QĐST- HNGĐ ngày 04/9/2013. Tuy nhiên đến năm 2014, chị và anh N1 đã đăng ký kết hôn lại vào ngày 31/3/2014 tại UBND xã P, huyện L, tỉnh Quảng Bình, nhưng đến tháng 10/2016 chị và anh N1 lại phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình giữa chị và anh N1 không hợp nhau, hay cãi vã, bất đồng nhau về quan điểm sống, anh N1 đánh đập chị dẫn đến tình cảm vợ chồng sứt mẽ, anh N1 đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở xã P, huyện L, tỉnh Quảng Bình sinh sống. Vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay, không ai còn quan tâm đến ai. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn anh N1.

Về con chung: Vợ chồng chị có một con chung là Phạm Xuân N2, sinh ngày 01/9/2011 hiện nay đang ở với chị. Sau khi ly hôn chị có nguyện vọng xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và yêu cầu anh N1 đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi con trưởng thành.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải ngày 22/11/2017 và tại phiên tòa, anh Phạm Xuân N1 trình bày: Về quá trình yêu nhau, kết hôn, chung sống, đăng ký kết hôn và nguyên nhân mâu thuẫn anh nhất trí như sự trình bày của chị L. Anh cho rằng vợ chồng sống ly thân nhau đã gần một năm, không ai quan tâm đến ai. Anh xác định tình cảm vợ chồng thực sự đã hết nên chị L xin ly hôn thì anh chấp nhận. Đối với con chung là Phạm Xuân N2, sinh ngày 01/9/2011 đang còn nhỏ, hiện đang ở với chị L. Sau ly hôn, anh yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con vì anh có đủ khả năng và điều kiện nuôi con.

Về tài sản chung: Anh N1 cho rằng vợ chồng có một chiếc xe mô tô nhãn hiệu Lead, số hiệu Honda, BKS 73N4-06.085 giấy đăng ký xe mang tên Lê Thị L, mua năm 2013, trị giá hiện tại 25.000.000 đồng. Sau ly hôn anh giao xe mô tô trên cho chị L được sở hữu, sử dụng, anh không yêu cầu giải quyết tài sản chung này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị L và anh Phạm Xuân N1 đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện L, tỉnh Quảng Bình ngày 31/3/2014 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được hơn hai năm, đến tháng 10/2016 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, thường cãi vã, bất đồng nhau về quan điểm, anh N1 có đánh chị L dẫn đến tình cảm vợ chồng xảy ra trầm trọng, anh N1 đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ của anh để sinh sống, từ đó vợ chồng sống ly thân, không ai còn quan tâm đến ai, chị L nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn anh Phạm Xuân N1. Anh N1 cũng xác định tình cảm vợ chồng thực sự đã hết nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L.

Nhận thấy, hôn nhân giữa chị L và anh N1 đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, cần xử cho chị L và anh N1 được ly hôn nhau là phù hợp với khoản 1 Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về quan hệ con cái: Vợ chồng chị L, anh N1 có 01 con chung là Phạm Xuân N2, sinh ngày 01/9/2011, hiện nay đang ở với chị L. Sau ly hôn cả chị L và anh N1 đều có nguyện vọng xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung; chị L yêu cầu anh N1 đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi con trưởng thành, anh N1 không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con. Sau khi thảo luận và nghị án Hội đồng xét xử nhận thấy, hiện nay con đang còn nhỏ, đang được chị L chăm sóc, nuôi dưỡng, học hành ổn định, vì vậy cần xử giao con chung cho chị L tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, đồng thời buộc anh N1 phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi trưởng thành.

Về tài sản chung: Chị L trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết; anh N1 cho rằng vợ chồng có một chiếc xe mô tô. Sau ly hôn anh nhất trí giao xe mô tô cho chị L sở hữu sử dụng, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.
Về án phí: Chị L, anh N1 phải chịu án phí theo luật định.
Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo luật định.
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho chị Lê Thị L và anh Phạm Xuân N1 được ly hôn nhau.

2/ Về con chung: Áp dụng các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình xử giao cho chị Lê Thị L được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con Phạm Xuân N2, sinh ngày 01/9/2011 cho đến khi con trưởng thành. Anh Phạm Xuân N1 phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng) kể từ tháng 02 năm 2018 cho đến khi con trưởng thành (tròn 18 tuổi). Anh Phạm Xuân N1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom chăm sóc con chung, không ai được cản trở việc thực hiện quyền này.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3/ Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội, xử chị Lê Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm để sung vào công quỹ nhà nước, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà chị đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình theo biên lai số 00001640 ngày 07/11/2017. (Chị Lê Thị L đã nộp đủ án phí ly hôn). Anh Phạm Xuân N1 phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con để sung vào công quỹ nhà nước.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (02/01/2018) để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- Tòa án tỉnh Quảng Bình;
- Chi cục THADS Lệ Thủy;
- Các đương sự;
- UBND xã Phong Thủy;
- Lưu VP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Văn Dương